

Số: 175/2018/QĐST-HNGĐ

P, ngày 18 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH BÀ RỊA-VNG TÀU

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 428/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1976 và bà Đỗ Thị N, sinh năm 1977. Cùng hộ khẩu thường trú: khu phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1976 và bà Đỗ Thị N, sinh năm 1977 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T (nay là UBND phường P, thị xã P), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 15 tháng 12 năm 1997, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 49, Quyền số 01/1997 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Qua bản ý kiến và trình bày của các đương sự tại buổi hòa giải đoàn tụ ngày 10/10/2018, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đến nay đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không Đ được nên áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, ghi nhận việc ông Đ và bà N thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung, cấp dưỡng: Ông Nguyễn Đình Đ và bà Đỗ Thị N có 03 con chung là Nguyễn Hồng Hải Y, sinh ngày 13/8/2001; Nguyễn V, sinh ngày 19/9/2003; Nguyễn Đỗ Tuấn K, sinh ngày 08/12/2006. Ông Đ và bà N thỏa thuận giao cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Bà N cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi các con chung trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Đồng thời, các con chung có nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn có nguyện vọng được ở với ông Đ.

Xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện, bảo đảm quyền lợi chính đáng của người yêu cầu, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của các con chung nên công nhận.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về lệ phí việc hôn nhân: Ông Nguyễn Đình Đ và bà Đỗ Thị N tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình Đ và bà Đỗ Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung, cấp dưỡng: Giao các cháu Nguyễn Hồng Hải Y, sinh ngày 13/8/2001; Nguyễn V, sinh ngày 19/9/2003; Nguyễn Đỗ Tuấn K, sinh ngày 08/12/2006 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi), bà Đỗ Thị N cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực cho đến khi con chung trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Bà Đỗ Thị N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi mọi mặt của con, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Đình Đ và bà Đỗ Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc hôn nhân nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0005353 ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Ông Nguyễn Đình Đ và bà Đỗ Thị N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- UBND phường P, thị xã P
tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thị xã P;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thanh